

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **01/2024/DSPT**

Ngày 04/01/2024

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phúc An Hoành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam và bà Nguyễn Thanh Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hồng Phong - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2023/TLDS-PT ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST, ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2023/QĐ-PT, ngày 15 tháng 12 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử phúc thẩm số: 3484/TB-TA ngày 26/12/2023 và số: 3939/TB-TA ngày 29/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Phạm Văn T**, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố A. K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T: Công ty Luật TNHH V. K; Địa chỉ: MG4-09 Vincom, phố H, tổ 13, phường P, thành phố T. Q, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn T: Luật sư Vũ Trung K - Chức vụ: Giám đốc Công ty Luật TNHH V. K. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn có yêu cầu phản tố: **Bà Hồ Thị S**, sinh năm: 1954;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Hồ Thị S: Ông Lương Thế Tr, Sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. *Có mặt.*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lại Minh H; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lại Minh H: Ông Trần Quốc Đ, sinh năm 1986; Chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường UBND thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Do có kháng cáo của bị đơn Bà Hồ Thị S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng trình bày: Năm 1993, gia đình ông T chuyển từ xã H, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang lên làm ăn sinh sống tại Tổ dân phố A. K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang cho đến nay. Năm 1994, gia đình ông T đã khai phá khu đất đồi gần nghĩa trang thuộc Tổ dân phố A. K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang để trồng sắn và trồng keo (đã được hai chu kỳ trồng và khai thác). Diện tích đất gia đình ông T khai phá được có diện tích khoảng 1.200m². Bên cạnh giáp ranh với diện tích đất của gia đình ông T khai phá là diện tích đất của bà Hồ Thị S. Từ năm 1994 đến nay, gia đình ông T vẫn canh tác trồng sắn, trồng cây trên diện tích đất nói trên, người dân sinh sống xung quanh đều biết và quá trình sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai (toàn bộ diện tích đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đến khoảng năm 2020, gia đình bà Hồ Thị S tự ý rào chắn hết phần diện tích đất của gia đình ông T, không cho canh tác. Sau đó, ông T đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang để giải quyết tranh chấp. Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang đã phối hợp cùng các cơ quan có liên quan xác định diện tích đất đang tranh chấp không nằm trong phần diện tích đất của gia đình bà S. Ông Phạm Văn T khởi kiện bà Hồ Thị S với nội dung: Đề nghị giải quyết cho ông T được quyền sử dụng diện tích đất 1.200m² mà gia đình ông T đã khai phá từ năm 1994 (diện tích đất đang xảy ra tranh chấp), xác định ranh giới sử dụng đất của hai bên để ông T hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất nào nằm trong diện tích đất của bà S thì ông T nhất trí trả lại cho bà S; phần diện tích đất nào thuộc quyền quản lý của Nhà nước thì ông T nhất trí trả lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang; còn phần diện tích đất nằm ngoài diện tích đất của bà S, chưa giao cho ai quản lý, sử dụng thì ông T đề nghị giao cho ông T quản lý, sử dụng.

Theo Đơn yêu cầu phản tố, các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu phản tố, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cùng trình bày: Năm 1986, gia đình bà Hồ Thị S khai phá được một diện tích đất là thửa đất số 170, tờ bản đồ 78, diện tích 1.408,6m² tại thôn Kỳ Lâm, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Hà Tuyên (nay là Tổ dân phố K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00724 do Ủy ban nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/11/2002. Năm 1992, Ủy ban nhân dân xã Kỳ Lâm, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang đã giao cho gia đình bà S 08ha đất để trồng rừng và 03ha rừng đã trồng do ông Lương Hùng Ph đứng tên theo Sổ Lâm bạ hộ gia đình ngày 02/12/1992. Tất cả diện tích đất và rừng được giao đều tại Tổ dân phố K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó, do diện tích đất rộng, không sử dụng hết nên gia đình bà S đã cho một số hộ gia đình khác xung quanh mượn để canh tác (trong đó có hộ gia đình ông Phạm Văn T). Năm 1995, gia đình bà S cho gia đình ông T mượn 01 diện tích đất tại Tổ dân phố K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang để ông T trồng sắn và trồng keo. Khi cho mượn đất, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không T hành đo đạc thực địa và cũng không có người làm chứng. Gia đình ông T đã canh tác và khai thác được 02 vụ keo. Năm 2020, do thấy hiện trạng diện tích đất bị thay đổi và gia đình bà S có nhu cầu sử dụng nên đã yêu cầu ông T trả lại diện tích đất đã cho mượn. Lúc đầu, ông T nhất trí trả lại cho gia đình bà S diện tích đất đã mượn, sau đó lại đổi ý, không trả lại diện tích đất cho gia đình bà S với lý do: Ông T tự nhận diện tích đất đã mượn của gia đình bà S để canh tác là diện tích đất của gia đình ông T khai phá được năm 1994. Tuy nhiên, ông T không xuất trình được bất kỳ loại giấy tờ pháp lý, tài liệu chứng cứ nào liên quan đến diện tích đất tranh chấp là do gia đình ông T khai phá. Hiện nay, kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn thể hiện: Phần diện tích đất ông T đang quản lý, sử dụng nằm trong một phần diện tích đất của gia đình bà S. Bà S không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T và có yêu cầu phản tố đề nghị: - Đề nghị công nhận quyền sử dụng đất của bà S đã được cấp với thửa đất số 170, tờ bản đồ 78, diện tích 1.408,6m² tại thôn Kỳ Lâm, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Hà Tuyên (nay là Tổ dân phố K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00724 do Ủy ban nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/11/2002.

- Buộc ông Phạm Văn T trả lại toàn bộ phần diện tích đất gia đình bà S đã cho mượn vào năm 1995 theo đúng hiện trạng gia đình đang sử dụng đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Phần diện tích đất 653,5m² chưa giao cho ai quản lý nằm trong diện tích đất đang xảy ra tranh chấp (theo kết quả đo đạc của cơ quan chuyên môn) thì bà S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo Biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Theo kết quả đo đạc, trong một phần diện tích đất đang tranh chấp có diện tích đất 662,7m² là thửa đất số 146, tờ bản đồ 78, đo đạc địa chính năm 1997 tại tổ dân phố A. K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang và phần đường giao thông có diện tích 104,6m².

Sổ mục kê đất đai, bản đồ địa chính và bản đồ phân 3 loại rừng, thể hiện toàn bộ diện tích thửa đất số 146, tờ bản đồ 78, đo đạc địa chính năm 1997 không phải là đất trồng rừng sản xuất và không nằm trong diện tích đất rừng theo Sổ lâm bạ năm 1992 cấp cho ông Lương Hùng Ph. Đây là diện tích đất màu đòi trồng cây hàng năm (được xác định theo bản đồ địa chính năm 1997), không đứng tên của cá nhân hay hộ gia đình nào, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. Từ trước đến nay, Ủy ban nhân dân thị trấn S. D và cơ quan có thẩm quyền chưa giao hay cấp quyền quản lý, sử dụng diện tích thửa đất số 146, tờ bản đồ 78, đo đạc địa chính năm 1997 cho cá nhân hay hộ gia đình nào. Không giao hay tạm giao cho ông Phạm Văn T hay gia đình bà Hồ Thị S. Việc ông Phạm Văn T sử dụng diện tích thửa đất số 146, tờ bản đồ 78 từ năm 1994 là tự ý sử dụng, không xin phép, không được Ủy ban nhân dân thị trấn S. D cho phép. Trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa ông T và bà S tại địa phương, Ủy ban nhân dân thị trấn S. D đã có đề nghị ông Phạm Văn T sau khi khai thác cây gỗ keo xong phải trả lại diện tích thửa đất này cho Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang quản lý.

Đối với phần đường giao thông có diện tích 104,6m² là loại đường ngõ xóm thuộc hệ thống đường giao thông (đường xã) do Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang quản lý. Con đường đã có từ trước đến nay, được thể hiện trên bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 và không nằm trong diện tích đất rừng theo Sổ lâm bạ năm 1992 cấp cho ông Lương Hùng Ph.

Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang có quan điểm như sau: Yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị S trả lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang toàn bộ phần diện tích đất nằm trùng đè lên thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997, diện tích 662,7m² và toàn bộ phần diện tích đất nằm trùng đè lên phần đường giao thông, diện tích 104,6m² theo Mạnh trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn T với bà Hồ Thị S ngày 07/9/2022.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Văn T có quan điểm: Trả lại cho gia đình bà Hồ Thị S diện tích đất bà S đã được nhà nước công nhận gồm các thửa đất sau: Thửa đất số 171 có diện tích là $104,9\text{m}^2$; Thửa đất số 144 có diện tích là $23,5\text{m}^2$; Thửa đất số 151 có diện tích là 90m^2 ; Thửa đất số 157 có diện tích là $171,6\text{m}^2$; Thửa đất số 156 có diện tích là $50,4\text{m}^2$ (Các thửa đất nằm thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang).

+ Trả lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang diện tích đất đường giao thông có tổng diện tích $104,6\text{m}^2$.

+ Đối với phần diện tích thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang có diện tích là $657,4\text{m}^2$, ông T không nhất trí trả lại cho bà S và Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang vì diện tích đất này, ông T đã sử dụng ổn định từ năm 1994 cho đến nay, không có tranh chấp với ai.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị S là ông Lương Thế Tr có quan điểm:

+ Rút một phần yêu cầu phản tố đối với nội dung: Đề nghị công nhận quyền sử dụng đất của bà S đã được cấp với thửa đất số 170, tờ bản đồ 78, diện tích $1.408,6\text{m}^2$ tại thôn Kỳ Lâm, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Hà Tuyên (nay là Tổ dân phố K, thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang).

+ Nhất trí với quan điểm của ông Phạm Văn T trả lại cho gia đình bà Hồ Thị S diện tích đất bà S đã được nhà nước công nhận gồm các thửa đất sau: Thửa đất số 171 có diện tích là $104,9\text{m}^2$; Thửa đất số 144 có diện tích là $23,5\text{m}^2$; Thửa đất số 151 có diện tích là 90m^2 ; Thửa đất số 157 có diện tích là $171,6\text{m}^2$; Thửa đất số 156 có diện tích là $50,4\text{m}^2$ (Các thửa đất nằm thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang).

+ Trả lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang diện tích đất đường giao thông có tổng diện tích $104,6\text{m}^2$. Hiện tại, diện tích đất này ông T đang sử dụng.

+ Đối với phần diện tích thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang có diện tích là $657,4\text{m}^2$ (hiện tại, diện tích đất này ông T đang sử dụng), ông Tr không nhất trí trả lại cho ông T và Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang vì diện tích đất này đã được nhà nước cấp quyền sử dụng cho gia đình bà Hồ Thị S từ năm 1992 (theo Sổ lâm bạ). Lý do thửa đất này không được thể hiện trên bản đồ và sổ mục kê đất đai là do cơ quan chức năng sau khi đo đạc đã kê khai thiếu thửa đất này của bà S.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lại Minh H là ông Trần Quốc Đ có quan điểm: Đề nghị ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị S trả lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang phần diện tích đất đường giao thông có tổng diện tích $104,6\text{m}^2$ và phần diện tích thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang có diện tích là $657,4\text{m}^2$.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện S. D xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST, ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 164; Điều 165; Điều 166; Điều 244; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 100; Điều 164 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3; Điều 39; Điều 43 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Điều khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 19 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ tranh chấp:

- Công nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị S đối với các thửa đất số 171; Thửa đất số 144; Thửa đất số 151; Thửa đất số 157; Thửa đất số 156 (Các thửa đất nằm thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang). Cụ thể: Ông Phạm Văn T trả lại cho bà Hồ Thị S quản lý, sử dụng diện tích đất 440m^2 được xác định là các diện tích đất sau:

+ Thửa đất số 171 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S1) có diện tích là $104,9\text{m}^2$, ranh giới được giới hạn từ các điểm 79-80-81-92-79 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

+ Thửa đất số 144 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S3) có diện tích là $23,5\text{m}^2$, ranh giới được giới hạn từ các điểm 78-79-92-90-91-77-78 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

+ Thửa đất số 151 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S4) có diện tích là 90m^2 , ranh giới được giới hạn từ các điểm 90-89-88-87-71-72-73-74-75-76-91-90 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

+ Thửa đất số 157 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S6) có diện tích là

171,6m², ranh giới được giới hạn từ các điểm 88-84-85-86-87-88 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

+ Thửa đất số 156 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S8) có diện tích là 50,4m², ranh giới được giới hạn từ các điểm 88-84-85-86-87-88 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

Bà Hồ Thị S có quyền đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Công nhận sự thỏa thuận của ông Phạm Văn T, bà Hồ Thị S và Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang đối với phần đất đường giao thông có tổng diện tích 104,6m² thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. Cụ thể: Ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị S trả lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang quản lý, sử dụng diện tích đất 762m² được xác định là các diện tích đất sau: Phần đất đường giao thông thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang có tổng diện tích 104,6m² gồm 02 phần:

+ Phần diện tích đất ký hiệu S5 = 56,7m² ranh giới được giới hạn từ các điểm 19-20-21-22-82-81-80-19 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

+ Phần diện tích đất ký hiệu S7 = 47,9m² ranh giới được giới hạn từ các điểm 83-23-24-25-26-85-84-83 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với yêu cầu giao thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 cho ông Phạm Văn T quản lý, sử dụng. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị S đối với yêu cầu trả lại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 cho Bà Hồ Thị S quản lý, sử dụng.

Buộc ông Phạm Văn T phải trả lại cho Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang quản lý, sử dụng diện tích thửa đất số 146 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S2) có diện tích là 657,4m², ranh giới được giới hạn từ các điểm 81-82-83-84-88-89-90-92-81 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

Kèm theo Bản án là bản sao 02 Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn T với bà Hồ Thị S ngày 07/9/2022 (*Mảnh trích đo không tách rời Bản án*).

- Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị S. Cụ thể như sau: Đình chỉ yêu cầu đề nghị công nhận quyền sử dụng đất của bà S đã được cấp với thửa đất số 170, tờ bản đồ 78, diện tích 1.408,6m² tại thôn Kỳ Lâm, thị trấn S.

D, huyện S. D, tỉnh Hà Tuyên (nay là Tổ dân phố K , thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00724 do Ủy ban nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 16/11/2002.

2. Về chi phí tố tụng: - Ông Phạm Văn T phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 9.333.000đ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 8.000.000đ (Theo Phiếu thu ngày 23/5/2022 và ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang). Ông Phạm Văn T còn phải nộp 1.333.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Cụ thể như sau: Ông Phạm Văn T phải trả lại cho bà Hồ Thị S số tiền 1.333.000đ.

- Bà Hồ Thị S phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.667.000đ và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 6.000.000đ (Theo Phiếu thu ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang). Trả lại cho bà Hồ Thị S 1.333.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (Số tiền này do ông Phạm Văn T phải trả lại cho bà Hồ Thị S như trên).

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị S được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ông Phạm Văn T tiền tạm ứng án phí số tiền 1.120.200đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001813 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị S kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST, ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. Không nhất trí với nội dung bản án dân sự sơ thẩm đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 và buộc bà phải chịu 4.667.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận phần yêu cầu phản tố của bà S đối với yêu cầu trả lại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 cho bà S quản lý, sử dụng và tuyên bà S không phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.667.000 đồng.

Sau khi cấp phúc thẩm thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 23/12/2023 đã nhận được quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 03/2023/QĐ-SCBSBA ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (Kèm theo bản án là Văn bản số 464/TTKT-KHNV ngày 22/12/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh

Tuyên Quang về việc đính chính thông tin trên mảnh trích đo hiện trạng thửa đất đang xảy ra tranh chấp), theo đó:

+ Thửa đất số 157 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S6) có diện tích là 171,6m², ranh giới được giới hạn từ các điểm 88-84-85-86-87-88 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

+ Thửa đất số 156 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S8) có diện tích là 50,4m², ranh giới được giới hạn từ các điểm 88-84-85-86-87-88 theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

Được sửa chữa, bổ sung thành:

+ Thửa đất số 157 (ký hiệu S6) có diện tích là 171,6m², ranh giới được giới hạn từ các điểm **88-84-85-86-68-69-70-87-88** theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

+ Thửa đất số 156 (ký hiệu S8) có diện tích là 50,4m², ranh giới được giới hạn từ các điểm **86-85-27-67-87-86** theo Mảnh trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp.

(Tại các dòng từ 31 đến 36 trang 6 từ trên xuống của bản án sơ thẩm; Tại các dòng từ 31 đến 36 trang 10 từ trên xuống của bản án sơ thẩm; Tại các dòng từ 16 đến 23 trang 18 từ trên xuống (phần Quyết định) của bản án sơ thẩm).

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hồ Thị S có kháng cáo trình bày: Đề nghị được rút một phần kháng cáo bản án sơ thẩm về nội dung buộc bà phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 4.667.000 đồng. Giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao diện tích thửa đất số 146 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S2) có diện tích là 657,4m² cho bà S được quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn ông Phạm Văn T không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị S và người đại diện theo ủy quyền của bà Hồ Thị S. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giao diện tích thửa đất số 146 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S2) có diện tích là 657,4m² cho ông T được quản lý, sử dụng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các

thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hồ Thị S kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo trong phạm vi của bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án xét thấy cấp sơ thẩm xét xử vụ án là bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có tài liệu, chứng cứ mới để đánh giá, xem xét thêm. Đối với nội dung rút một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm với nội dung rút kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo bản án của bị đơn bà Hồ Thị S đối với yêu cầu giao diện tích thửa đất số 146 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu S2) có diện tích là 657,4m² cho bà S được quản lý, sử dụng. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định, do bà Hồ Thị S là người cao tuổi, nên đề nghị miễn tiền toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Hồ Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 02/8/2023, bị đơn bà Hồ Thị S có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2023/DS-ST, ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, quyền kháng cáo, nội dung kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị S là hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Hồ Thị S.

Bà Hồ Thị S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Không nhất trí Tòa án cấp sơ thẩm giao thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 (ký hiệu S2) có diện tích là 657,4m² cho UBND thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang quản lý, sử dụng và buộc bà phải chịu 4.667.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, giao thửa đất trên cho bà quản lý, sử dụng và xác định bà không phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.667.000 đồng.

Xét nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện việc thu thập tài liệu, chứng cứ, giải quyết vụ án đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có kháng cáo rút một phần kháng cáo về nội dung xác định bà Hồ Thị S không phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.667.000 đồng. Xét thấy việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, thể hiện ý chí của đương sự, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm với nội dung rút kháng cáo của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Đối với nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 (ký hiệu S2) có diện tích là 657,4m² mà cấp sơ thẩm đã giao cho UBND thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang quản lý, sử dụng. Xét thấy: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ như Sổ mục kê đất đai, bản đồ địa chính và bản đồ phân 3 loại rừng, thể hiện toàn bộ diện tích thửa đất số 146, tờ bản đồ 78, đo đạc địa chính năm 1997 không phải là đất trồng rừng sản xuất và không nằm trong diện tích đất rừng theo Sổ lâm bạ năm 1992 cấp cho ông Lương Hùng Ph (*Chồng của bà Hồ Thị S và bố của anh Lương Thế Tr*). Đây là diện tích đất màu đòi trồng cây hàng năm, không đứng tên của cá nhân hay hộ gia đình nào, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang; chưa được giao hay cấp quyền quản lý, sử dụng cho cá nhân hay hộ gia đình nào, kể cả ông Phạm Văn T và bà Hồ Thị S. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm hộ gia đình ông Phạm Văn T quản lý, sử dụng là tự ý sử dụng, không xin phép, không được Ủy ban nhân dân thị trấn S. D cho phép, đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm tài sản trên đất (cây gỗ Keo), ông T đã khai thác xong. Cấp sơ thẩm không giao diện tích đất trên cho nguyên đơn ông Phạm Văn T hoặc bị đơn Hồ Thị S để quản lý, sử dụng mà giao cho UBND thị trấn S. D quản lý, sử dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, không có tài liệu, chứng cứ mới phát sinh, không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hồ Thị S. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST, ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm.

Đối với nội dung Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án ngày số: 03/DS-ST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (để sửa

chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST, ngày 20/7/2023), Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi cấp sơ thẩm ban hành bản án, phát hiện có sai sót, nhầm lẫn về số liệu ranh giới tại 02 thửa đất số 157, 156 thuộc tờ bản đồ số 78, bản đồ địa chính đo đạc năm 1997 thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang trong bản án; trên cơ sở văn bản yêu cầu của Cơ quan tiến hành thẩm định, đo đạc, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án với số liệu chính xác, phù hợp với kết quả đo đạc, thẩm định, đúng theo Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhằm đảm bảo trong quá trình thi hành án đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, nên người kháng cáo bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Do bị đơn bà Hồ Thị S là người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 5 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung rút kháng cáo của người kháng cáo về nội dung: Bà Hồ Thị S phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.667.000 đồng.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Không chấp nhận nội dung kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm của bị đơn bà Hồ Thị S: Yêu cầu được quản lý, sử dụng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 (ký hiệu S2) có diện tích là 657,4m² của thị trấn S. D, huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang. Giữ nguyên mục 1 tại phần Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST, ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang (*Tại các dòng từ dòng từ 39 đến dòng 43 tính từ trên xuống, trang 18 - phần Quyết định của bản án*) như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với yêu cầu giao thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 cho ông Phạm Văn T quản lý, sử dụng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị S đối với yêu cầu trả lại thửa đất số 146, tờ bản đồ số 78, đo đạc địa chính năm 1997 cho bà Hồ Thị S quản lý, sử dụng.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án. Bà Hồ Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Do bà Hồ Thị S là người cao tuổi, nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST, ngày 20/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện S. D, tỉnh Tuyên Quang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 04/01/2024.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S. D;
- THADS huyện S. D;
- Các bên đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phúc An Hoàn

